TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Xuyến;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Viên,

2. Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Đức T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị D, sinh năm 1987, ĐKHKTT: Tổ dân phố Q, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn R, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là Anh Lê Đức T trình bày:

Anh T và Chị Phạm Thị D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng ngày 07/8/2015. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, trong sinh hoạt gia đình và trong việc chăm

sóc con, cháu nên xảy ra xô xát, hôn nhân không hạnh phúc. Chị D đã từng bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; gia đình anh T đến nói chuyện, đón chị D về nhà. Đến tháng 3 năm 2019, do mâu thuẫn căng thẳng nên chị D tiếp tục bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, anh T yêu cầu được ly hôn chị D. Anh chị có 03 con chung là Lê Đức T, sinh ngày 03/10/2016; Lê Đức P và Lê Thị Minh H, cùng sinh ngày 29/6/2018. Kể từ khi ly thân, chị D không quan tâm, chăm sóc, chu cấp cho con mà hoàn toàn do anh T và bố mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy khi ly hôn, anh T đề nghị Toà án giao cho anh trực tiếp nuôi cả 03 con. Việc cấp dưỡng cho con, anh xin tự thoả thuận, giải quyết với chị D, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn (Chị Phạm Thị D) trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân, con chung như nội dung trình bày của anh T. Nay anh T yêu cầu ly hôn, chị D không đưa ra quan điểm, "Tòa án giải quyết thế nào thì tùy". Hiện chị D làm công ty, thu nhập 6.000.000 đồng/tháng; mặt khác chị ở cùng với mẹ, mẹ chị có thể hỗ trợ chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con nên trường hợp phải ly hôn, chị nhận nuôi cả 03 con. Anh chị tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Anh T, chị D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn, bất hoà nên tháng 3 năm 2019 chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn R, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng sinh sống; anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh chị có 03 con chung; từ khi anh chị sống ly thân, 03 con do anh T và bố mẹ anh T chăm sóc, nuôi dưỡng; chị D không về thăm con, không đón con về sống cùng chị. Hiện anh T làm công nhân, có thu nhập ổn định; bố mẹ anh T còn khỏe, có thể hỗ trợ anh chăm sóc các con. Hiện tại chị D đang sống cùng bà ngoại và mẹ đẻ; tuy nhiên bà ngoại đã ngoài 90 tuổi, sức khỏe yếu, mẹ đẻ chị D thuộc đối tượng người khuyết tật thị giác được hưởng trợ cấp xã hội. Do đó, trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, để đảm bảo quyền lợi của các con, Tòa án nên giao các con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên toà, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ; mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã

được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, vắng mặt tại phiên họp, hòa giải và phiên tòa không có lý do là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho Anh Lê Đức T được ly hôn Chị Phạm Thị D; giao cả 03 con Lê Đức T, sinh ngày 03/10/2016, Lê Đức P và Lê Thị Minh H, cùng sinh ngày 29/6/2018 cho anh T trực tiếp nuôi. Không giải quyết việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung do các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do anh T là nguyên đơn nên anh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Đức T thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Chị Phạm Thị D là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn R, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn (anh T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn (chị D) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị D.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa Anh Lê Đức T và Chị Phạm Thị D được xác lập từ ngày 07/8/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, trong sinh hoạt gia đình và trong việc chăm sóc con, cháu nên xảy ra xô xát, hôn nhân không hạnh phúc. Vì mâu thuẫn gay gắt, tháng 3 năm 2019 chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn R, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng sinh sống; anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị D không có quan điểm gì về việc có đồng ý ly hôn hay không đồng ý ly hôn hoặc mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh T, chị D đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho anh T được ly hôn chị D.

[4] Về con chung: Các đương sự cùng xác nhận, vợ chồng có 03 con chung là Lê Đức T, sinh ngày 03/10/2016; Lê Đức P và Lê Thị Minh H, cùng sinh ngày 29/6/2018. Kể từ khi anh chị ly thân, các con do anh T và bố mẹ anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện anh T làm công nhân có thu nhập ổn định; bố mẹ anh T có thể tiếp tục hỗ trợ anh chăm sóc các con. Chị D khai có việc làm, thu nhập ổn định nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặt khác, mẹ đẻ chị thuộc đối tượng người khuyết tật thị giác đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, bà ngoại chị già yếu, không thể hỗ trợ chị D trong việc chăm sóc con. Nếu giao con cho chị D trực tiếp nuôi sẽ không bảo đảm quyền lợi mọi mặt cho con; do đó yêu cầu của chị D về việc giao cả 03 con cho chị trực tiếp nuôi không có căn cứ chấp nhận. Để bảo đảm ổn định sinh hoạt, học tập và quyền lợi về mọi mặt của con; căn cứ các khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, giao các con Lê Đức T, Lê Đức P và Lê Thị Minh H cho anh T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng cho con, các đương sự đề nghị được tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự cùng đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Đức T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đức T được ly hôn Chị Phạm Thị D.

2. Về con chung: Giao con Lê Đức T, sinh ngày 03/10/2016; Lê Đức P và Lê Thị Minh H, cùng sinh ngày 29/6/2018 cho Anh Lê Đức T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Lê Đức T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006471 ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Anh T, chị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- UBND phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng (ĐKKH năm 2015);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Xuyến

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- UBND xã Đoàn lập, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH năm 2006);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Xuyến